

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày: 20/6/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng; Ông Trịnh Huy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Quách Văn C; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 03809900708; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Quách Văn N, sinh năm 1970; Con bà: Hà Thị H, sinh năm: 1972; Vợ, C1 sống với chị Hà Thị Thu H1 (không có đăng ký kết hôn) có 1 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 30/12/2021 bị Toà án huyện C xét xử 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 25/8/2021 bị Công an xã C, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 6.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2024, đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh T. Bị cáo có mặt.

2. Bùi Văn P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 02 năm 1993, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038093013743; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1972; Con bà: Quách Thị S, sinh năm 1972; Vợ: Đậu Thị V (đã ly hôn năm 2018); con: Bùi Văn P1, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/11/2011 bị Toà án huyện C xét xử 18 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng 14 ngày về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực C. Bị cáo có mặt.

3. Phạm Thúc T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 02 năm 2007, tại xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038207008039; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Thúc M, sinh năm 1985; Con bà: Phạm Thị T2, sinh năm 1985; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực C. Bị cáo có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1985; cùng cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trần Văn H2, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Cao Văn T3, sinh năm 2006; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Anh Trần Đức T4, sinh năm 2007; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Anh Trương Minh Đ; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người chứng kiến: Ông Hà Công T5, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/12/2024, Quách Văn C; Bùi Văn P; Phạm Thúc T1; Trần Văn H2 cùng một số người bạn tổ chức ăn cơm, uống rượu tại nhà C. Trong khi uống rượu C, P, T1 và H2 bàn nhau về việc mang chiếc điện thoại di động của P đi cầm cố để lấy tiền đi hát Karaoke và ăn đêm. P đồng ý, sau đó đã mang chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 của mình đi cầm cố tại một cửa hàng cầm đồ được số tiền 3.000.000đ. Có được số tiền trên, P đưa cho T1 100.000VNĐ để đi xăng đi lại, số tiền còn lại P cùng những người trên đi hát Karaoke hết 890.000đ. Do nhận thấy bản thân đã say rượu nên P đưa cho C toàn bộ số tiền còn lại để C cất giữ rồi cả nhóm đi ăn đêm tại Thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trong lúc ngồi tại quán ăn đêm, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên H2 đã vay C số tiền 500.000đ để đi mua ma túy và được C đồng ý. H2 cầm số tiền trên rồi liên hệ

qua mạng xã hội Zalo với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ (được lưu trong danh bạ Zalo là G) ở huyện N để mua ma túy. Sau khi thống nhất việc giao dịch mua ma túy, H2 cùng với Phạm Thúc T1 đã đi đến khu vực gần trụ sở ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N để nhận ma túy. Khi đến vị trí người bán để sẵn ma túy, H2 lấy gói ma túy rồi để lại số tiền 500.000đ tại đây và cùng T1 quay về quán ăn đêm. T1 tiếp tục vào quán ăn, còn H2 một mình đi đến khu vực nghĩa trang thi trấn P, huyện C và lấy một phần ma túy vừa mua được ra sử dụng bằng cách “chích”. Số ma túy còn lại H2 cất trên người và quay lại quán.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C, P, T1 và H2 rời khỏi quán ăn đêm. Khi ra đến cửa quán, H2 đã cho C gói ma túy (là gói ma túy trước đó H2 vừa mua được và đã sử dụng một phần), rồi cả bốn người cùng đi về nhà C tại Thôn P, xã C, huyện C để ngủ. Khi về đến nhà C, H2 cùng với P và T1 đi ngủ, riêng C chưa ngủ ngay mà lấy gói ma túy được H2 cho trước đó ra và sử dụng bằng cách “Hít”. Trong khi C đang sử dụng ma túy thì P và T1 tỉnh dậy. P hỏi C “làm gì đấy”, C không trả lời mà nói với P “làm tí cho giải rượu không” (ý là sử dụng ma túy cho giải rượu), sau đó C xé mảnh giấy bạc từ bao thuốc lá để đựng ma túy, T1 đưa cho C một chiếc bật lửa. C lấy ra một tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ đưa cho P cuộn lại thành ống hút. Sau khi chuẩn bị các dụng cụ trên, C dùng bật lửa đốt dưới mảnh giấy bạc có chứa ma túy. Khi ma túy chuyển sang dạng khói, C là người sử dụng đầu tiên bằng cách dùng ống hút để hút khói ma túy vào cơ thể qua đường miệng. Sau đó C lần lượt đưa ống hút cho P và T1 cầm, rồi dùng bật lửa đốt ma túy cho P và T1 sử dụng. Ba đối tượng luân phiên sử dụng được khoảng 3 lần thì hết số ma túy có trong mảnh giấy bạc. Sử dụng xong, nhằm xóa dấu vết để tránh bị Cơ quan chức năng phát hiện nên C đã vò nát mảnh giấy bạc có dấu vết ma túy rồi cho vào bồn vệ sinh và xả nước. Sau đó C, P và T1 đi ngủ, đến sáng ngày 13/12/2024 khi được Cơ quan Công an triệu tập, biết không thể che giấu được hành vi phạm tội như trên nên cả ba đối tượng đã xin được đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 9845/KL-KTHS ngày 23/12/2024 của V1 Bộ C2 kết luận: đều tìm thấy sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy Heroine trong 03 mẫu nước tiểu ghi thu của Bùi Văn P, Quách Văn C và Phạm Thúc T1 gửi giám định

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSCT, ngày 17/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nay các bị cáo biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 (áp dụng thêm Điều 91; Điều 101 đối với bị cáo [T1](#)) Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố các bị cáo [Quách Văn C](#); [Bùi Văn P](#), [Phạm Thúc T1](#) phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Lên mức hình phạt với bị cáo [Quách Văn C](#) từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng; Bị cáo [Bùi Văn P](#) từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; Bị cáo [Phạm Thúc T1](#) từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T1” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Quách Văn C](#);
- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T2” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Bùi Văn P](#);
- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T3” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Phạm Thúc T1](#) là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;
- 01 bật lửa ga, màu đỏ, trên vỏ có các dòng chữ màu đen, bật lửa cũ đã qua sử dụng thu của [Quách Văn C](#).

Đề nghị tịch thu bổ sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 5.000đ.

Đề nghị trả lại cho bà [Phạm Thị T2](#) 01 xe máy Honda-Winner, màu trắng đen; 01 biển số xe máy, mang số 27N-125.06.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra [Công an huyện C](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 12/12/2024, tại nhà [Quách Văn C](#) ở [thôn P, xã C, huyện C, Quách Văn C](#),

Bùi Văn P và Phạm Thúc T1 đã thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trần Văn H2 có tài khoản Zalo là G. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có cơ sở xác định người đàn ông có tài khoản Zalo nói trên. Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến người đàn ông có tài khoản Zalo tên G để tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với Trần Văn H2 là người đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nghĩa trang thuộc Thị trấn P, huyện C. Xác định hành vi của Trần Văn H2 là hành vi vi phạm hành chính. Công an huyện C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với Trần Văn H2. Ngày 31/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn H2 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B, trực thuộc Phòng CSĐTTP về Ma túy, Công an tỉnh T.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt nghiêm là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Đối với bị cáo T1 thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên cần áp dụng đường lối xử lý đối với người phạm tội chưa thành niên theo quy định tại Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Quách Văn C là người khởi xướng, rủ P và T1, đồng thời cũng là người cung cấp ma túy cho các bị cáo tổ chức sử dụng, do đó C có vai trò cao hơn bị cáo P và bị cáo T1.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo. HĐXX xét thấy, bị cáo C, bị cáo P đều có nhân thân xấu, đã

từng bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội, mặc dù đã được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội, do đó cần lên mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết. Bị cáo [T1](#) chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, do đó có thể lên mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn bị cáo [C](#) và bị cáo [P](#) là phù hợp, đảm bảo tính răn đe và sự khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T1” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Quách Văn C](#); 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T2” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Bùi Văn P](#); 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T3” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Phạm Thúc T1](#), là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 bật lửa ga, màu đỏ, trên vỏ có các dòng chữ màu đen, bật lửa cũ đã qua sử dụng thu của [Quách Văn C](#) là công cụ bị cáo sử dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 5.000đ được cuộn thành dạng ống hút, là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe máy Honda-Winner, màu trắng đen; 01 biển số xe máy, mang số 27N-125.06. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên không có trong dữ liệu vật chứng, người đứng tên đăng ký xe máy là anh [Lò Văn H3](#), tuy nhiên quá trình điều tra xác minh anh [Lò Văn H3](#) không có mặt tại địa phương, không lấy được lời khai. Hiện bà [Phạm Thị T2](#) (mẹ đẻ của bị cáo [Phạm Thúc T1](#)) là người sử dụng, có giấy tờ hợp pháp, bà [T2](#) không biết việc bị cáo [T1](#) sử dụng xe để đi sử dụng ma túy, do đó trả lại cho chị [T2](#).

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58; (áp dụng thêm Điều 91; Điều 101 đối với bị cáo [T1](#)) Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo: [Quách Văn C](#); [Bùi Văn P](#); [Phạm Thúc T1](#) phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Xử phạt:

Bị cáo [Quách Văn C](#) 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

Bị cáo [Bùi Văn P](#) 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

Bị cáo [Phạm Thúc T1](#) 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

3. Về tang vật của vụ án:

Tịch thu thu tiêu hủy gồm:

- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T1” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Quách Văn C](#);
- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T2” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Bùi Văn P](#);
- 01 phong bì do [Công an huyện C](#) phát hành có ký hiệu “T3” bên trong có mẫu test nhanh ma túy của [Phạm Thúc T1](#).
- 01 bật lửa ga, màu đỏ, trên vỏ có các dòng chữ màu đen, bật lửa cũ đã qua sử dụng;

Tịch thu bổ sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 5.000đ.

Trả lại cho bà [Phạm Thị T2](#) 01 xe máy Honda-Winner, màu trắng đen; 01 biển số xe máy, BKS 27N-125.06.

(Vật chứng hiện đang lưu kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2025).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; bà [Phạm Thị T2](#) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Nơi nhận:

- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung